



2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại P; Trụ sở: Số 387 đường M, Phường V, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc Đ, năm sinh 1959; Chức danh: Giám đốc (vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại Q, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Tổng Trần N trình bày: Ngày 03-01-2019, Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại Q (viết tắt Công ty Q) và Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại P (viết tắt Công ty P) ký kết hợp đồng mua bán số 03/2019/HĐMB với nội dung cụ thể như sau: Công ty Q bán cho Công ty P số lượng 2.000 kilogam nguyên liệu Propicconazole 95% tech, tổng giá trị là 1.066.800.000 đồng. Ngay sau khi ký kết, Công ty P có nghĩa vụ thanh toán 50% giá trị hợp đồng, 50% giá trị hợp đồng còn lại được thanh toán trong 10 ngày tiếp theo, hạn chót thanh toán là ngày 13-01-2019. Ngày 09-01-2019, Công ty Q và Công ty P tiếp tục ký hợp đồng mua bán số 04/2019/HĐMB với nội dung cụ thể như sau: Công ty Q bán cho Công ty P số lượng 5.400 kilogam nguyên liệu Propicconazole 95% tech, tổng giá trị đơn hàng là 688.250.000 đồng. Ngay sau khi ký kết, Công ty P có nghĩa vụ thanh toán 50% giá trị hợp đồng, 50% giá trị hợp đồng còn lại được thanh toán trong 10 ngày tiếp theo, hạn chót thanh toán là ngày 19-01-2019.

Thực hiện hai hợp đồng trên, Công ty Q đã giao hàng đầy đủ cho Công ty P nhưng Công ty P không thanh toán tiền như đã thỏa thuận. Ngày 31-01-2019, hai bên lập biên bản xác nhận công nợ theo đó Công ty P xác nhận còn nợ Công ty Q tổng số tiền của hai hợp đồng nêu trên là 1.704.675.000 đồng.

Do Công ty P vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty Q khởi kiện yêu cầu Công ty P thanh toán số tiền 1.704.675.000 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 31-01-2019 đến ngày xét xử sơ thẩm theo lãi suất của Ngân hàng là 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng) và thanh toán một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Công ty P vắng mặt không có lý do trong quá trình Tòa án giải quyết các vụ án và không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của Công ty P.

Tại phiên tòa;

Ông Tổng Trần N, người đại diện hợp của nguyên đơn xác định số tiền mà Công ty P chưa thanh toán là 1.704.675.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất là 10%/năm (tương đương 0.83%/tháng) được tính từ ngày 31-01-2019 đến

ngày 19-6-2020 là 236.002.026 đồng. Tổng số tiền mà Công ty P có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Q là 1.940.677.026 đồng.

Bị đơn Công ty P vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của người đại diện nguyên đơn tại phiên tòa thể hiện Công ty P còn nợ của Công ty Q số tiền 1.704.675.000 đồng. Do Công ty P vi phạm thời hạn thanh toán nên Công ty Q yêu cầu trả tiền lãi chậm thanh toán là 10%/năm. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Công ty P vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của nguyên đơn, xét yêu cầu khởi kiện đòi tiền nợ gốc và lãi của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện giữa Công ty Q và Công ty P có ký hợp đồng mua bán số 03/2019/HĐMB ngày 03-01-2019 và hợp đồng mua bán số 04/2019/HĐMB ngày 09-01-2019 về việc mua nguyên liệu Propicconazole 95% tech, giữa 2 bên có lập biên bản xác nhận công nợ ngày 31-01-2019 nên có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 0301419926 đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 06-9-2013 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì Công ty P có trụ sở tại số 387 đường M, Phường V, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Xét thấy bị đơn Công ty P có trụ sở tại quận Tân Bình, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Công ty P là bị đơn trong vụ án không có yêu cầu phản tố đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng

mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Công ty P.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét, hợp đồng mua bán số 03/2019/HĐMB ngày 03-01-2019 và hợp đồng mua bán số 04/2019/HĐMB ngày 09-01-2019 giữa Công ty Q và Công ty P thể hiện tại thời điểm giao kết các chủ thể có đầy đủ năng lực pháp luật, trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, không trái pháp luật và về hình thức, nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật được quy định tại Điều 116, 117, 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 24 Luật Thương mại năm 2005.

[2.2] Xét, Công ty Q yêu cầu Công ty P thanh toán tiền mua hàng còn thiếu 1.704.675.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy ngày 03-01-2019 và ngày 09-01-2019 giữa Công ty Q và Công ty P ký hai hợp đồng mua bán nguyên liệu Propicconazole 95% tech. Tại phiếu nhập kho ngày 05-01-2019 và ngày 11-01-2019; Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 04-01-2019 và ngày 10-01-2019 do Công ty Q cung cấp thể hiện người mua hàng là Công ty P. Đồng thời, tại biên bản xác nhận công nợ ngày 31-01-2019 giữa Công ty Q và Công ty P, trong đó Công ty P xác nhận còn thiếu của Công ty Q số tiền 1.704.675.000 đồng. Do đó, Công ty Q yêu cầu Công ty P thanh toán tiền mua hàng còn thiếu 1.704.675.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Xét Công ty Q yêu cầu Công ty P trả tiền lãi trên số tiền chậm trả. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện, khi giao kết hợp đồng, hai bên không thỏa thuận về tiền lãi chậm thanh toán. Theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 thì “Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”. Do Công ty P chậm thanh toán tiền hàng nên Công ty Q yêu cầu Công ty P trả tiền lãi trên số tiền chậm thanh toán là phù hợp theo Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Lãi suất chậm thanh toán được xác định là mức lãi suất quá hạn trung bình của ít nhất ba Ngân hàng Thương mại Cổ phần tại thời điểm xét xử. Theo biểu lãi suất của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) là 10.5%/năm; Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam (Vietinbank) là 10.5%/năm và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) là 11.10%/năm. Lãi trung bình của 03 Ngân hàng trên là:  $(10.5 + 10.5 + 11.10)/3 = 10.7\%/năm$ . Phía nguyên đơn yêu cầu

tính lãi chậm trả là 10%/năm, thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là 10,7%/năm là có lợi cho bị đơn, phù hợp với quy định của pháp luật. Công ty Q yêu cầu Công ty P trả số tiền lãi là 236.002.026 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

[2.4] Xét Công ty P vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Công ty Q yêu cầu Công ty P trả tiền nợ vốn và tiền lãi một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp nên chấp nhận.

[2.5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[2.6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty P phải chịu án phí. Công ty Q được hoàn lại tiền tạm ứng án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 278, Điều 280, Điều 357, Điều 430, Điều 440 và 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Áp dụng các Điều 4, Điều 24 và 306 Luật Thương mại năm 2005.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Án lệ số 09/2016/AL ngày 07 tháng 10 năm 2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về xác định lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường và việc trả lãi trên số tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại.

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại Q.**

1.1 Buộc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại P thanh toán cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại Q số tiền là 1.940.677.026 (Một tỷ chín trăm bốn mươi triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn không trăm hai mươi sáu) đồng, trong đó tiền nợ gốc là 1.704.675.000 (Một tỷ bảy trăm lẻ bốn triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng và tiền lãi là 236.002.026 (Hai trăm ba

mười sáu triệu không trăm lẻ hai nghìn không trăm hai mươi sáu) đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2 Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Các bên thực hiện dưới sự giám sát của Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

## **2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:**

2.1 Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại P phải chịu án phí là 70.220.311 (Bảy mươi triệu hai trăm hai mươi nghìn ba trăm mười một) đồng.

2.2 Hoàn trả lại cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại Q số tiền 33.700.980 (Ba mươi ba triệu bảy trăm nghìn chín trăm tám mươi) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số AA/2018/0039528 ngày 05 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại Q được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được Tòa án niêm yết hợp lệ bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục THA dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Võ Tuấn Nhu**

